

Số: 4476/BKHĐT-HTX

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020

V/v xây dựng kế hoạch phát triển kinh
tế tập thể giai đoạn 2021-2025 và kế
hoạch năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Công Thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Để phục vụ kịp thời công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2021-2025 và dự kiến kế hoạch năm 2021 của cả nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và tình hình cụ thể của Bộ, ngành, địa phương, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2021 theo hướng dẫn đính kèm*, đồng thời đưa vào nội dung phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương mình.

Báo cáo bằng văn bản xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05/8/2020 (đồng thời gửi kèm bản mềm về Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo địa chỉ cucphthx@mpi.gov.vn) để tổng hợp.

Đề nghị các Bộ, ngành, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể: Hội Nông dân Việt Nam, Hội LHPN Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, TW Đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc VN (để phối hợp thực hiện);
- Tổng LĐ lao động Việt Nam (để phối hợp thực hiện);
- Trung tâm tin học (để đăng lên trang điện tử);
- Lưu: VT, Cục PHTX.

510

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Thành Thống

* Bản mềm tải tại website: <http://www.mpi.gov.vn>

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2021

*(Kèm theo công văn số 4476 /BKHĐT-HTX ngày 14 tháng 7 năm 2020
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2020

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2020, các bộ, ngành, địa phương đánh giá khách quan, trung thực các kết quả đạt được theo các nội dung chủ yếu sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

1. Đánh giá dựa trên các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Về số lượng, doanh thu và thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (HTX, LH HTX, THT)

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí, chỉ rõ nguyên nhân của những biến động tăng/giảm các chỉ tiêu, cụ thể sau:

- Tổng số HTX, LH HTX, THT (trong đó nêu rõ: số lượng đang hoạt động, ngừng hoạt động, thành lập mới, giải thể, phá sản của mỗi loại); so với mục tiêu kế hoạch năm 2020; Số HTX chưa chuyển đổi, đăng ký lại HTX, LH HTX theo Luật HTX năm 2012 (nêu rõ nguyên nhân chưa chuyển đổi, đăng ký lại).

- Doanh thu bình quân của HTX, LH HTX, THT (trong đó bao gồm doanh thu đối với thành viên và doanh thu đối với thị trường bên ngoài thành viên); so với mục tiêu kế hoạch năm 2020.

- Lãi bình quân HTX, LH HTX, THT; so với mục tiêu kế hoạch năm 2020.

- Số HTX, LH HTX hoạt động hiệu quả (theo Luật HTX năm 2012, hoạt động kinh doanh có lãi, thực hiện các nghĩa vụ của một tổ chức kinh tế đối với Nhà nước, thành viên, người lao động theo quy định hiện hành; đem lại lợi ích tối đa cho thành viên...).

b) Về thành viên, lao động của HTX, LH HTX, THT

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí, chỉ rõ nguyên nhân của những biến động tăng/giảm các chỉ tiêu, cụ thể sau:

- Tổng số thành viên của HTX, LH HTX, THT (trong đó nêu rõ: số lượng thành viên mới gia nhập, rút khỏi của mỗi loại); so với mục tiêu kế hoạch năm 2020;

- Tổng số lao động làm việc thường xuyên¹ trong HTX, LH HTX, THT (trong đó nêu rõ số lao động đồng thời là thành viên của mỗi loại); so với mục tiêu kế hoạch năm 2020;

- Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong HTX, LH HTX, THT; so với mục tiêu kế hoạch năm 2020.

c) Về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí cụ thể sau:

- Tổng số cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT;

- Tổng số cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT đạt trình độ sơ cấp, trung cấp; so với tổng số cán bộ HTX, LH HTX, THT và so với mục tiêu kế hoạch năm 2020;

- Tổng số cán bộ quản lý HTX, LH HTX, THT đạt trình độ cao đẳng, đại học; so với tổng số cán bộ HTX, LH HTX, THT và so với mục tiêu kế hoạch năm 2020.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

Đánh giá theo các lĩnh vực: nông - lâm - ngư - diêm nghiệp; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng; tín dụng; thương mại; vận tải và lĩnh vực khác. Phân tích và làm rõ chất lượng tăng trưởng của từng lĩnh vực; khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu; năng lực sản xuất mới tăng thêm trong năm 2020.

Đối với mỗi lĩnh vực cần đánh giá dựa trên các tiêu chí:

- Số lượng HTX, LH HTX, THT, trong đó nêu rõ số lượng đang hoạt động và ngừng hoạt động của mỗi loại).

- Số lượng thành viên tham gia.

- Số lượng lao động làm việc thường xuyên (trong đó có số lượng lao động đồng thời là thành viên).

- Doanh thu bình quân của HTX, LH HTX, THT (trong đó có doanh thu đối với thành viên và doanh thu đối với thị trường bên ngoài thành viên).

- Lãi bình quân của HTX, LH HTX, THT.

- Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên HTX, LH HTX, THT.

3. Đánh giá tác động của HTX, LH HTX, THT tới thành viên, kinh tế hộ thành viên (về kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội)

4. Một số mô hình hoạt động hiệu quả theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (KTTT)

¹ Là lao động không xác định thời hạn, không tính lao động ngắn hạn và lao động thời vụ

1. Kết quả triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn

1.1. Ở cấp Trung ương

Đánh giá tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới lĩnh vực KTTT; liệt kê tên văn bản, số, ngày ban hành (nếu có).

Nêu những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

1.2. Ở cấp địa phương

Đánh giá tình hình xây dựng, ban hành và kết quả triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn (bao gồm Trung ương và địa phương), tình hình xây dựng các chương trình, đề án của địa phương nhằm tạo điều kiện cho KTTT phát triển; tình hình tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân đối với KTTT.

Nêu những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

2. Công tác quản lý nhà nước về KTTT

Đánh giá tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về KTTT tại các Bộ, ngành địa phương theo các nhiệm vụ đã được quy định tại khoản 2 Điều 28, Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Tình hình thành lập Phòng Doanh nghiệp, KTTT và tư nhân trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (theo quy định tại Thông tư số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

Nêu những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi hợp tác xã

Theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ thì một phần nguồn vốn để thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 được lồng ghép trong Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới nhằm thực hiện tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo về kết quả triển khai hỗ trợ phát triển hợp tác xã nói chung (trong đó có kết quả triển khai theo CTMTQG xây dựng nông thôn mới nói riêng) với các nội dung cụ thể như sau:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: số lượt cán bộ hợp tác xã, thành viên tham gia bồi dưỡng, tổng kinh phí hỗ trợ. Tình hình thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX (số người, thời gian, tổng kinh phí hỗ trợ).

- Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng số vốn hỗ trợ.

- Chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: số dự án, tổng vốn phân bổ.

- Chính sách giao đất, cho thuê đất: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng diện tích được giao, thuê.

- Chính sách ưu đãi về tín dụng: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng số vốn được vay ưu đãi.

- Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm: số hợp tác xã được hỗ trợ, tổng kinh phí hỗ trợ.

- Chính sách khác: Bảo hiểm xã hội; ưu đãi phí, lệ phí... (nếu có)

Đánh giá vai trò, vị trí của KTTT, HTX trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và trong xây dựng nông thôn mới nói riêng. Nêu những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

4. Hợp tác quốc tế về KTTT

Đánh giá kết quả về sự hỗ trợ, giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế trong việc phát triển kinh tế tập thể về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thông tin tư vấn, vốn đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước.

III. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2021

I. MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2021

- Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2021 phải đặt trong kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2021-2025, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, của địa phương; cần bám sát và cụ thể hóa các mục tiêu được xác định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 chung của

cả nước, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và các chiến lược phát triển của ngành, địa phương đã được phê duyệt, chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Phát triển kinh tế tập thể phải xuất phát từ nhu cầu chung thực tế của các thành viên trên mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, trên mọi vùng lãnh thổ; phải theo đúng các giá trị và các nguyên tắc cơ bản của HTX, mang tính phổ biến trên thế giới áp dụng sáng tạo phù hợp với điều kiện cụ thể ở Việt Nam, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp “Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

- Một mặt quan tâm các chỉ tiêu số lượng, mặt khác phải đặc biệt chú trọng các chỉ tiêu phản ánh chất lượng, hiệu quả như doanh thu, thu nhập của các thành viên...; các chỉ tiêu xã hội như hiệu quả cung ứng dịch vụ của hợp tác xã đối với thành viên và kinh tế hộ thành viên, mức độ cạnh tranh sản phẩm của các hợp tác xã, tạo việc làm mới, thu nhập và mức sống, dịch vụ của hợp tác xã phục vụ đời sống thành viên và cộng đồng dân cư như giáo dục, đào tạo, y tế...

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2021

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn

Dự báo những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển KTTT; những thuận lợi, khó khăn tác động đến khu vực KTTT, HTX.

2. Định hướng chung về phát triển KTTT, HTX

Căn cứ mục tiêu tổng quát, các bộ, ngành, địa phương xác định định hướng chung phát triển kinh tế tập thể năm 2021 về các mặt: chuyển đổi, đăng ký lại, thành lập mới HTX, LH HTX, THT; nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, LH HTX, THT; nâng cao hiệu quả đóng góp của khu vực KTTT vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo một cách bền vững; nâng cao vai trò, vị trí của khu vực KTTT trong nền kinh tế.

3. Mục tiêu tổng quát

Phát triển KTTT với nòng cốt là HTX bền vững, góp phần xây dựng xã hội hợp tác, đoàn kết, cùng chia sẻ sự thịnh vượng và quản lý một cách dân chủ, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là đối với nông nghiệp và nông thôn; phấn đấu đến năm 2021 khu vực KTTT, HTX có vị trí và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thực hiện tốt 7 nguyên tắc của HTX.

4. Một số mục tiêu cụ thể

Căn cứ mục tiêu tổng quát, định hướng chung về phát triển KTTT, các Bộ, ngành, địa phương cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Bộ, ngành, địa phương mình về phát triển KTTT, chủ yếu tập trung theo các vấn đề sau:

- Các chỉ tiêu định hướng phát triển: Đóng góp vào GDP; số lượng HTX, LH HTX, THT; số lượng thành viên HTX, LH HTX, THT; doanh thu bình quân

của HTX, LH HTX, THT; thu nhập bình quân của người lao động trong HTX, LH HTX, THT; tỉ lệ cán bộ HTX đạt trình độ sơ, trung cấp, cao đẳng, đại học.

- Xác định tiềm năng về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, địa bàn của khu vực KTTT trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của khu vực này phù hợp với đặc điểm kinh tế, tự nhiên, xã hội của ngành, địa phương mình.

- Xác định những chỉ tiêu hoạt động của khu vực KTTT: tăng năng suất, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, nâng cao năng lực hoạt động của các HTX; cải thiện đời sống thành viên và cộng đồng; tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, tăng cường tình đoàn kết xã hội trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích lâu dài giữa các thành viên HTX, LH HTX, THT.

5. Các giải pháp phát triển kinh tế tập thể năm 2021

Các Bộ, ngành, địa phương tùy điều kiện cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình đề xuất các chính sách phát triển KTTT, tập trung vào một số nhóm giải pháp sau đây:

5.1. Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

Trong thời gian tới, các Bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, dự kiến kế hoạch xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu thấy cần thiết) để Luật Hợp tác xã năm 2012 phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

5.2. Tuyên truyền, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 và nâng cao năng lực nguồn nhân lực HTX

- Dự kiến kế hoạch tuyên truyền, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 nhằm thống nhất nhận thức trong toàn bộ hệ thống quản lý nhà nước, nhân dân về bản chất hợp tác xã và các quy định trong Luật hợp tác xã 2012, bao gồm: số lớp, hội nghị tuyên truyền tập huấn, số người/ đối tượng tham dự, số ngày thực hiện; đơn vị thực hiện tập huấn; hình thức tuyên truyền, tập huấn.

- Dự kiến kế hoạch tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật cho cán bộ hợp tác xã, thành viên hợp tác xã: số lượng lượt người tham gia, số lớp, số ngày thực hiện, những nội dung tập huấn chính; kế hoạch thí điểm đưa cán bộ trẻ có trình độ đại học, cao đẳng về làm việc cho HTX (số người, thời gian làm việc, kinh phí).

5.3. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012

Các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của chương trình; tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tránh thất thoát.

5.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực KTTT, HTX

Các bộ, ngành, địa phương cần có giải pháp chỉ đạo và thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, LH HTX, THT như: Rà soát tình hình hoạt động của các HTX; thu hút/kết nạp thêm thành viên; tăng vốn góp của thành viên vào HTX, LH HTX, THT; tăng cường năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động, kinh doanh cho các HTX; hỗ trợ thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn trong HTX; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại; đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm; từng bước mở rộng quy mô hoạt động của các hợp tác xã; có kế hoạch, biện pháp cụ thể giải thể các HTX, LH HTX đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.

5.5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Các bộ, ngành, địa phương cần có phương án tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, theo hướng:

- Các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bố trí cán bộ có đủ năng lực tham mưu giúp việc trong theo dõi, quản lý, giám sát và báo cáo hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực bộ, ngành mình được phân công quản lý; chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương bố trí cán bộ để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về hợp tác xã đã được pháp luật quy định.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX; chỉ đạo bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về KTTT, HTX ở cấp tỉnh và cấp huyện để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã, đặc biệt ở khâu đăng ký HTX, LH HTX theo dõi, giám sát thi hành Luật Hợp tác xã và hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với khu vực kinh tế này.

5.6. Huy động các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể trong nước và quốc tế tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể

- Các đoàn thể xã hội cần có kế hoạch cụ thể tham gia phát triển kinh tế tập thể thông qua khuyến khích thành lập mới, vận động thành viên tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác, tham gia bồi dưỡng, đào tạo cho hợp tác xã. Các bộ, ngành, địa phương cần có giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ các đoàn thể chính trị, xã hội, hiệp hội và hội nghề nghiệp tham gia thúc đẩy phát triển hợp tác xã.

- Huy động các nguồn lực của ngành, địa phương tham gia hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

- Huy động các nguồn lực và sự hỗ trợ của quốc tế, các nước thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể. / 

Phụ lục 1
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Kế hoạch năm 2021
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	
I	Hợp tác xã					
1	Tổng số hợp tác xã	HTX				
	Trong đó:					
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX				
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX				
	Số hợp tác xã giải thể	HTX				
	Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả	HTX				
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người				
	Trong đó:					
	Số thành viên mới	Thành viên				
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên				
3	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Người				
	Trong đó:					
	Số lao động thường xuyên mới	Người				
	Số lao động thường xuyên là thành viên hợp tác xã	Người				
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người				
	Trong đó:					
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người				
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người				
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm				
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm				
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm				
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm				
II	Liên hiệp hợp tác xã					
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX				
	Trong đó:					
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động					
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX				
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX				
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX				
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người				
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm				
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm				
III	Tổ hợp tác					
1	Tổng số tổ hợp tác	THT				
	Trong đó:					
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT				
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên				
	Trong đó:					
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên				
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm				
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm				

Phụ lục 2

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Kế hoạch năm 2021
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	
1	HỢP TÁC XÃ					
	Tổng số hợp tác xã	HTX				
	Chia ra:					
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX				
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX				
	Hợp tác xã xây dựng	HTX				
	Hợp tác xã tín dụng	HTX				
	Hợp tác xã thương mại	HTX				
	Hợp tác xã vận tải	HTX				
	Hợp tác xã khác	HTX				
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ					
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX				
	Chia ra:					
	LH hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX				
	LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX				
	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX				
	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX				
	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX				
	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX				
	LH hợp tác xã khác	LHHTX				
3	TỔ HỢP TÁC					
	Tổng số tổ hợp tác	THT				
	Chia ra:					
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT				
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT				
	Tổ hợp tác xây dựng	THT				
	Tổ hợp tác tín dụng	THT				
	Tổ hợp tác thương mại	THT				
	Tổ hợp tác vận tải	THT				
	Tổ hợp tác khác	THT				

Phu lục 3

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Kèm theo công văn số 4476/BKHĐT-HTX ngày 14 tháng 7 năm 2020
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ (KTTT, HTX) GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Khái quát tình hình trong nước, quốc tế và những tác động đến khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2016 - 2020.

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Tình hình chung

Nêu rõ đặc điểm chung của các tổ chức KTTT (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã), những nhân tố tác động đến sự phát triển của khu vực KTTT giai đoạn 2016 - 2020.

1.1. Về tổ hợp tác (THT)

- Số lượng THT ước tại thời điểm 31/12/2020, trong đó có số lượng THT thành lập mới, số THT có đăng ký chứng thực hợp đồng hợp tác; cơ cấu THT trong các ngành, lĩnh vực...; so sánh số liệu ước tại thời điểm 31/12/2020 với số liệu thời điểm 31/12/2016.

- Số thành viên THT ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào THT; số lao động làm việc trong khu vực THT ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016), trong đó số lao động mới.

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của THT ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016). Doanh thu bình quân của THT ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016); Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của THT ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016).

- Số lượng các THT hoạt động hiệu quả; số THT phát triển thành hợp tác xã; vai trò của THT trong việc hỗ trợ kinh tế hộ thành viên.

- Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của THT hiện nay.

1.2. Về hợp tác xã (HTX)

- Số lượng HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016), trong đó có số lượng HTX thành lập mới; số lượng HTX đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng HTX đã chuyển đổi, giải thể; số HTX thành lập doanh nghiệp.

Tình hình chuyển đổi, đăng ký lại HTX theo Luật HTX năm 2012 (số HTX đã chuyển đổi, chưa chuyển đổi hoặc chuyển sang loại hình kinh tế khác).

- Số thành viên HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016) trong đó số thành viên là cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp; số lượng thành viên mới tham gia vào HTX giai đoạn 2016 – 2020; số lao động làm việc trong khu vực HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016), số lao động mới.

- Đóng góp của khu vực KTTT, HTX vào GDP ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016); đóng góp của HTX đối với kinh tế hộ thành viên (giảm chi phí đầu vào, tăng giá thành, tăng thu nhập...)

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của HTX (ước tại thời điểm 31/12/2020), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016.

- Doanh thu bình quân của HTX (trong đó cụ thể doanh thu đối với thành viên và doanh thu ngoài thành viên); Lãi bình quân của HTX; Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016).

- Tổng số nợ đọng của HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước 01/01/1997 và từ 01/01/1997 đến 31/12/2020), tổng số nợ đọng của thành viên với HTX.

- Số HTX hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012¹: Đánh giá tình hình xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã 2012 về quy mô, mô hình hoạt động, cách thực tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực quản trị, áp dụng công nghệ...; đánh giá các chỉ tiêu kinh tế của HTX (thu nhập bình quân của HTX, lợi nhuận bình quân, thu nhập của người lao động...) và tác động của HTX tới kinh tế hộ thành viên.

- Số lượng cán bộ quản lý HTX, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ, trung cấp; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên; số cán bộ có trình độ sau đại học; số cán bộ HTX được hỗ trợ bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cán bộ đã qua đào tạo nghề so với tổng số lao động.

- Những chuyển biến của HTX về phương thức hoạt động, sản xuất, kinh doanh; các HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm... Vai trò của HTX trong phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế- xã hội tại địa phương, tạo việc làm, an sinh xã hội.

- Những hạn chế, khó khăn và vấn đề mới phát sinh của HTX hiện nay.

1.3. Về liên hiệp HTX (LH HTX)

- Số lượng LH HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016), trong đó có số lượng LH HTX thành lập mới; số lượng LH HTX đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng LH HTX đã chuyển đổi, giải thể.

¹ Hoạt động kinh doanh có lãi, thực hiện các nghĩa vụ của một tổ chức kinh tế đối với Nhà nước, thành viên, người lao động theo quy định hiện hành; đem lại lợi ích tối đa cho thành viên như tăng thu nhập, tạo việc làm, cung cấp các hoạt động phúc lợi cho thành viên...

- Số HTX thành viên ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016) trong đó số lượng HTX thành viên mới tham gia vào LH HTX; số lao động làm việc trong khu vực LH HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016), số lao động mới.

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của LH HTX (ước tại thời điểm 31/12/2020), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016.

- Doanh thu bình quân của LH HTX (trong đó doanh thu từ thành viên và doanh thu ngoài thành viên); Lãi bình quân của LH HTX; Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của LH HTX ước tại thời điểm 31/12/2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016).

- LH HTX hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012.

- Hiệu quả kinh tế- xã hội của LH HTX; vai trò của LH HTX trong việc phát triển HTX thành viên, liên kết giữa các HTX thành viên, giữa LH HTX với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác.

- Những hạn chế, khó khăn đối với LH HTX.

2. Tình hình phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực

Đánh giá tình hình phát triển của HTX, LH HTX, THT theo từng lĩnh vực, trong đó nêu rõ số lượng HTX, LH HTX, THT trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể ước tại thời điểm 31/12/2020; so sánh tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016; số lượng thành viên HTX, LH HTX, THT trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể ước tại thời điểm 31/12/2020; so sánh sự tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2016; đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX, LH HTX, THT; những vấn đề phát triển nổi bật và một số điển hình tiên tiến (nếu có) kể từ khi Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành.

Đánh giá tình hình phát triển KTTT trong đó đánh giá tình hình chuyển đổi cơ cấu KTTT, HTX theo ngành, lĩnh vực; tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay so với năm 2016 về tỷ trọng nông nghiệp so với công nghiệp, cũng như tỷ trọng của các lĩnh vực khác...

- HTX, LH HTX, THT hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp (trong đó đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp; tổng giá trị sản lượng nông sản chất lượng cao, việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong tổ chức sản xuất đạt bao nhiêu % so với tổng sản phẩm nông nghiệp, tỷ lệ lao động nông nghiệp so với tổng số lao động; số lượng, chất lượng mô hình HTX gắn với chuỗi giá trị; vai trò của HTX nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới...).

- HTX, LH HTX, THT hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- HTX, LH HTX, THT hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

- HTX, LH HTX, THT hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- HTX, LH HTX, THT hoạt động trong lĩnh vực tín dụng.
- HTX, LH HTX, THT hoạt động trong lĩnh vực khác.

II. KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU VỰC KTTT, HTX

1. Khung khổ pháp lý

Bộ, ngành Trung ương và địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo việc xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012: những nội dung đã triển khai, nội dung chưa triển khai, lý do chưa triển khai và phương hướng xử lý trong thời gian tới (cụ thể số Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ; Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; số Thông tư, Quyết định... của các Bộ, ngành; số Nghị quyết, Chỉ thị... của Tỉnh ủy, Thành ủy; Chương trình, kế hoạch, Đề án ... của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX

Đánh giá theo các nội dung của Điều 6 Luật HTX 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012, Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2016-2020 và bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm xã hội, hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp...

Nêu chi tiết số HTX được hỗ trợ, kinh phí hỗ trợ; tình hình bố trí các nguồn lực tài chính thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển HTX; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

2.1. Chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, trong đó đánh giá về chính sách hỗ trợ thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX.

- Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.
- Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới.
- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX.

- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội (các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện an sinh xã hội; hỗ trợ kinh tế hộ và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương).

- Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX.

2.2. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp

- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.
- Chính sách giao đất, cho thuê đất.
- Chính sách ưu đãi về tín dụng.
- Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.
- Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm.

2.3. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác

- Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho cán bộ HTX.
- Chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí.
- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp.
- Chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX.

3. Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX

- Công tác thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX; nêu rõ cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.
- Công tác thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về HTX; nêu rõ cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh/thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT.
- Việc bố trí sắp xếp cán bộ theo dõi KTTT, HTX ở các cấp.
- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật đối với KTTT, HTX.
- Việc thực hiện chế độ báo cáo về HTX, LH HTX theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 (điều 24, 25) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn về đăng ký HTX và chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của HTX; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

4. Hợp tác quốc tế về KTTT

5. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể và Liên minh HTX Việt Nam đối với phát triển KTTT, HTX

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể.
- Vai trò của Liên minh HTX Việt Nam.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX

1. Thành tựu, vị trí, vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội

- Về phát triển kinh tế: Đóng góp của khu vực KTTT vào tổng sản phẩm của địa phương và của nền kinh tế; hiệu quả kinh tế, năng suất lao động; tỷ trọng vốn đầu tư cho khu vực này trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, xuất khẩu; tác động tới kinh tế hộ thành viên; vai trò của KTTT trong việc hình thành, phát

triển chuỗi giá trị sản phẩm, chuyển giao kiến thức và ứng dụng khoa học công nghệ cho nông dân...

- Về chính trị, văn hóa, xã hội: Vai trò KTTT, HTX tham gia các Chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng nông thôn mới; thực hiện an sinh xã hội, ổn định chính trị, bảo vệ môi trường...

2. Tồn tại, hạn chế

Nêu rõ những tồn tại, hạn chế của khu vực KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội; năng lực nội tại của các tổ chức KTTT (cơ sở vật chất, quy mô, vốn, trình độ cán bộ quản lý, liên kết sản xuất, ...); thực hiện các quy định pháp luật về KTTT, HTX...

3. Nguyên nhân

3.1. Về pháp luật, cơ chế, chính sách

3.2. Về tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách

3.3. Về bản thân HTX

3.4. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX.

4. Bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

I. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Xem xét, đánh giá những điều kiện trong nước và quốc tế có tác động đến triển vọng phát triển KTTT, HTX của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025 (xu hướng và dự báo tác động); thuận lợi, thách thức đối với phong trào KTTT, HTX của Việt Nam khi bước vào giai đoạn mới.

1. Tình hình quốc tế

2. Tình hình đất nước

3. Cơ hội và thách thức đối với khu vực KTTT, HTX

3.1. Cơ hội

Khu vực KTTT, HTX có cơ hội mở rộng thị trường, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

3.2. Thách thức

Bên cạnh cơ hội, khu vực KTTT, HTX sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức: Về cạnh tranh thị trường, nguồn nhân lực trong HTX, dễ bị ảnh hưởng của tác động bên ngoài, không đủ năng lực thích ứng với tình hình mới và bị tụt hậu ngày càng xa hơn về công nghệ; tác động của biến đổi khí hậu...

4. Dự báo xu hướng phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Vai trò của KTTT, mà nòng cốt là HTX trong phát triển kinh tế- xã hội địa phương và đất nước.

2. Phát triển KTTT có ý nghĩa về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, trật tự xã hội, nhất là ở nông thôn.

3. Về khuyến khích phát triển KTTT nhanh và bền vững với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; xuất phát từ nhu cầu của người dân, tổ chức tham gia, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của cả nước.

4. Về công tác đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với phát triển KTTT, HTX; huy động lực lượng xã hội và nguồn lực trong và ngoài nước tham gia thúc đẩy phát triển KTTT, HTX.

5. Các quan điểm khác

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, nhất là đối với HTX nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Xây dựng và phát triển mô hình KTTT, HTX nhanh và bền vững; phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống thành viên; phát triển thành viên thông qua thu hút ngày càng nhiều nhân dân, hộ kinh tế cá thể và tổ chức tham gia KTTT, HTX.

- Mục tiêu khác (nếu có).

2. Các mục tiêu cụ thể

- Xác lập vị trí, vai trò của KTTT, HTX trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; xác định tiềm năng về ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn hoạt động của các HTX; tác động của khu vực KTTT tới kinh tế hộ thành viên.

- Các chỉ tiêu cụ thể: Đóng góp của khu vực KTTT, HTX vào GDP cả nước; số lượng THT, HTX, LH HTX; số thành viên tham gia THT, HTX, số HTX thành viên tham gia LH HTX; doanh thu bình quân, lãi bình quân của 1 THT, HTX, LH HTX; thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX; số cán bộ quản lý HTX...

- Các mục tiêu cụ thể khác (tùy theo ngành, lĩnh vực và địa bàn).

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Định hướng chung

- Khuyến khích phát triển KTTT trên các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế, trên mọi vùng lãnh thổ; các hình thức mở rộng quy mô thành viên; ứng

dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh; sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết với doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích thành viên...

- Định hướng khác...

2. Định hướng phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực chủ yếu

Định hướng phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực phải phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và điều kiện thực tế xã hội.

- Định hướng phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp (trong đó có định hướng phát triển KTTT, HTX trong xây dựng nông thôn mới; phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị; phát triển KTTT, HTX tại các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn...).

- Định hướng phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Định hướng phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực xây dựng.

- Định hướng phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Định hướng phát triển KTTT, HTX trong lĩnh vực tín dụng.

- Định hướng phát triển KTTT, HTX trong các lĩnh vực khác.

V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Các Bộ, ngành, hiệp hội Trung ương và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công xây dựng giải pháp cụ thể nhằm thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX trong thời gian tới, trong đó tập trung vào nhóm giải pháp sau:

1. Về tuyên truyền nâng cao nhận thức về KTTT, HTX.

2. Về hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách.

3. Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển HTX.

4. Về nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, xây dựng mô hình hợp tác xã hiệu quả và tổng kết mô hình.

5. Về huy động nguồn lực xã hội để phát triển KTTT, HTX.

6. Về phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT.

7. Về tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

8. Về tăng cường hợp tác quốc tế về KTTT.

9. Về xây dựng chương trình, dự án mang tính đột phá.

10. Về các giải pháp khác.

Phụ lục 1

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 2

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2016-2020**

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 3

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2016-2020

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016 - 2019						Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				
				NSTW		NSDP			NSTW		NSDP		
				NTM ¹	Khác	NTM	Khác		NTM	Khác	NTM	Khác	
I	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX												
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX												
1.1	Số người được cử đi đào tạo	Người											
1.2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người											
1.3	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã	Người											
	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX											
2	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	HTX											
3	Hỗ trợ về ứng dụng KHKT, công nghệ mới	HTX											
4	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX											
	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX											
	Số HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX											
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế- xã hội												
6	Hỗ trợ thành lập mới	HTX											
7	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	HTX											
II	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp												
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	HTX											

¹ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Giai đoạn 2016 - 2019				Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				
				NSTW			NSDP				
				NTM ²	Khác		NTM	Khác			
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất										
2.1	Số HTX được giao đất	HTX									
	Diện tích đất được giao	m ²									
2.2	Số HTX được thuê đất	HTX									
	Diện tích đất được thuê	m ²									
2.3	Số HTX được miễn, giảm tiền thuê đất	HTX									
	Số tiền được miễn, giảm	Tr đồng									
3	Ưu đãi tín dụng	HTX									
3.1	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX									
3.2	Số HTX được hỗ trợ lãi suất vay	HTX									
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	HTX									
5	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm	HTX									
III	Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương										

² Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới

Phụ lục 4

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	Hợp tác xã (HTX)							
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%						
2	Tổng số HTX	HTX						
	<i>Trong đó:</i>							
	Số HTX đang hoạt động	HTX						
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX						
	Số HTX thành lập mới	HTX						
	Số HTX giải thể	HTX						
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX						
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX						
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên						
	<i>Trong đó:</i>							
	Số thành viên mới	Thành viên						
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên						
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên						
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên						
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người						
	<i>Trong đó:</i>							
	Số lao động thường xuyên mới	Người						
	Số lao động là thành viên HTX	Người						
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng						
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng						
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm						
	<i>Trong đó:</i>							

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm						
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm						
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm						
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người						
	Trong đó:							
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người						
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người						
II	Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)							
1	Tổng số LH HTX	LH HTX						
	Trong đó:							
	Số LH HTX thành lập mới	LH HTX						
	Số LH HTX giải thể	LH HTX						
	Số LH HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX						
2	Tổng số HTX thành viên	HTX						
3	Tổng số lao động trong LH HTX	Người						
4	Tổng vốn hoạt động của LH HTX	Tr đồng						
5	Tổng giá trị tài sản LH HTX	Tr đồng						
6	Doanh thu bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm						
7	Lãi bình quân một LH HTX	Tr đồng/năm						
III	Tổ hợp tác (THT)							
1	Tổng số THT	THT						
	Trong đó:							
	Số THT thành lập mới	THT						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	Số THT có đăng ký thành lập	THT						
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên						
3	Tổng số lao động trong THT	Người						
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm						
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm						

Phụ lục 5

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	Hợp tác xã (HTX)							
	Tổng số HTX	HTX						
	Chia ra:							
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX						
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX						
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX						
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX						
5	Hợp tác xã thương mại	HTX						
6	Hợp tác xã vận tải	HTX						
7	Hợp tác xã môi trường	HTX						
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX						
9	Hợp tác xã khác	HTX						
II	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (LH HTX)							
	Tổng số LH HTX	LH HTX						
	Chia ra:							
1	LH HTX nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LH HTX						
2	LH HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LH HTX						
3	LH HTX xây dựng	LH HTX						
4	LH HTX tín dụng	LH HTX						
5	LH HTX thương mại	LH HTX						
6	LH HTX vận tải	LH HTX						
7	LH HTX môi trường	LH HTX						
8	LH HTX nhà ở	LH HTX						
9	LH HTX khác	LH HTX						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch					Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2025
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
III	Tổ hợp tác (THT)							
	Tổng số THT	THT						
	Chia ra:							
1	THT nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT						
2	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT						
3	THT xây dựng	THT						
4	THT tín dụng	THT						
5	THT thương mại	THT						
6	THT vận tải	THT						
7	THT môi trường	THT	-					
8	THT nhà ở	THT						
9	THT khác	THT						

Phụ lục 6

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2016- 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
I	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX								
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX								
1.1	Số người được cử đi đào tạo	Người							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	Tr đồng							
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng							
1.2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	Tr đồng							
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng							
1.3	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	Tr đồng							
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng							
2	Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường								
	Số HTX được hỗ trợ	HTX							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	Tr đồng							
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng							
3	Hỗ trợ về ứng dụng KHKT, công nghệ mới								
	Số HTX được hỗ trợ	HTX							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2016-2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	Trong đó								
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng							
	Ngân sách địa phương	Tr đồng							
4	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX								
4.1	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX							
	Tổng số vốn được vay	Tr đồng							
4.2	Số HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX							
	Tổng số vốn được vay	Tr đồng							
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế xã hội								
	Số HTX được tham gia	HTX							
6	Hỗ trợ thành lập mới								
	Số HTX được hỗ trợ	HTX							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	Trong đó								
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng							
	Ngân sách địa phương	Tr đồng							
II	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp								
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng								
	Số HTX được hỗ trợ	HTX							
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	Trong đó								
	Ngân sách Trung ương	Tr đồng							
	Ngân sách địa phương	Tr đồng							
2	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất								
2.1	Số HTX được giao đất	HTX							
	Diện tích đất được giao	m ²							
2.2	Số HTX được thuê đất	HTX							
	Diện tích đất được thuê	m ²							
	Số HTX được miễn, giảm tiền thuê đất	HTX							
2.3	Số tiền được miễn, giảm	Tr đồng							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện KH 2016- 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	Mục tiêu KH 2021-2025
3	<i>Ưu đãi tín dụng</i>								
	Số HTX được vay với lãi suất ưu đãi	HTX							
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Tr đồng							
4	<i>Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh</i>	HTX							
	Số HTX được hỗ trợ								
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	Tr đồng							
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng							
5	<i>Hỗ trợ về chế biến sản phẩm</i>	HTX							
	Số HTX được hỗ trợ								
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng							
	<i>Trong đó</i>								
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	Tr đồng							
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng							
III	Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương								